

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 42/2024/HS-ST

Ngày 26- 4- 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Hà Thị Nở

Ông: Đinh Thế Khản

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân - Thẩm tra viên, TAND tỉnh Lai Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/4/2024, tại trụ sở TAND tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:46/2024/TLST-HS ngày 15/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 12/4/2024 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Lý Thị L. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 03/6/1995, tại P, Lai Châu. Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Trình độ học vấn 01/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nữ. Con ông Lý A S, sinh năm 1950 và bà Sùng Thị D, sinh năm 1965. Chồng, con: Chưa có. Tiền án: Chưa; tiền sự: có 02 tiền sự (*Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023 của Đồn biên phòng H - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40/QĐ-XPHC ngày 19/4/2023 của UBND xã H*). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến nay, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh L. Bị cáo có mặt.

2- Họ và tên: Vàng Thị P. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 05/9/1999, tại P, Lai Châu. Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Trình độ học vấn 05/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nữ. Con ông Vàng A P1, sinh năm 1979 và bà Giàng Thị S1, sinh năm 1981. Chồng, con: Chưa có. Tiền án: Chưa; tiền sự: có 01 tiền sự (*Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC, ngày 19/4/2023 của UBND xã H*). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt

Những người làm chứng: Ông Lý A S, sinh năm 1950 và bà Giàng Thị S1, sinh năm 1981.Đều trú tại: Bản T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Ông S và bà S1 đều vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Vừ A D1. Đại chỉ: Đài Phát thanh truyền hình tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Thị L và Vàng Thị P đều có Hộ khẩu thường trú tại bản T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu nhưng đã xuất cảnh trái phép sang sinh sống tại xã M, Huyện K, Tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Sau khi sang Trung Quốc Lý và P thường xuyên nhập cảnh và xuất cảnh trái phép qua biên giới từ Trung Quốc về Việt Nam và từ Việt Nam sang Trung Quốc thuộc khu vực mốc số 68 xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu để thăm người thân.

Ngày 12/4/2023, Lý Thị L và Vàng Thị P rủ nhau nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam tại khu vực biên giới mốc 68, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Ngày 13/4/2023, L cùng P đến xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu làm thủ tục đề nghị cấp Căn cước công dân thì bị lực lượng Công an xã phát hiện lập biên bản về hành vi qua lại biên giới quốc gia không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.Sáng 14/4/2023 L và P tiếp tục ra Công an huyện P để làm căn cước công dân và được Công an huyện P hẹn 10 ngày sau đến lấy. Ngày 17/4/2023 Lý Thị L đã xuất cảnh trái phép qua biên giới tại khu vực mốc 64 bản Na Sa phìn xã H huyện P để sang Trung Quốc. Ngày 19/4/2023 do có hẹn lấy căn cước công dân tại Công an huyện P nên Lý Thị L một mình nhập cảnh trái phép về Việt Nam qua khu vực mốc 64 thuộc bản Na Sa P2 xã H huyện P, tỉnh Lai Châu và bị lực lượng bộ đội biên phòng thuộc H bắt, lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2023 Lý Thị L và Vàng Thị P được mời lên UBND xã H để nhận quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số 40, 41/QĐ-XPHC ngày 19/4/2023 của UBND xã H về hành vi qua lại biên giới quốc gia không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định với mức phạt tiền 4.000.000 đồng theo biên bản vi phạm hành chính ngày 12/4/2023 của Công an xã H. Ngày 05/5/2023 Đoàn biên H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-VPHC ngày 05/5/2023 xử phạt Lý Thị L1 với mức phạt 5.000.000 đồng về hành vi qua lại biên giới quốc gia không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định theo biên bản vi phạm hành chính sáng ngày 19/4/2023 của H. Sau khi nộp tiền phạt vi phạm hành chính tại kho bạc Nhà nước, tháng 5/2023 Lý Thị L và Vàng Thị P tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực biên giới Mốc số 68, xã M, huyện P.

Đến ngày 03/01/2024, Lý Thị L gặp Vàng Thị P tại chợ M thuộc xã M, huyện K, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Lý P cùng về Việt Nam để làm hộ chiếu hoặc giấy thông hành để thuận tiện cho việc đi lại giữa hai nước Việt Nam -Trung Quốc, P đồng ý. Khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 04/01/2024, L và P cùng nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam qua khu vực biên giới Mốc 68, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Phê được mẹ đẻ là Giàng Thị S1 đón, L được bố đẻ là Lý

A S đón về nhà tại bản T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Đến sáng ngày 05/01/2024 Công an tỉnh L đã mời L và P để làm rõ hành vi nhập cảnh trái phép.

+ Các vấn đề liên quan trong vụ án: Kết quả điều tra xác định:

- Ngày 04/1/2024 ông Lý A S, sinh năm 1950 (bố bị cáo Lý Thị L và bà Giàng Thị S1 SN 1981 (mẹ bị cáo P, cùng trú tại bản Tả Lèng, xã H, Huyện P, tỉnh Lai Châu là những người đã đón L và P từ khu vực biên giới về nhà, tuy nhiên ông S và S1 không biết L và P nhập cảnh trái phép vào V nên không có căn cứ xem xét.

- Hồi 06 giờ, ngày 19/4/2023 Lý Thị L thực hiện 01 lần nhập cảnh trái phép vào V tại khu vực mốc 64 thuộc bản Na sa Phìn xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu bị đồn H phát hiện lập biên bản và bị xử lý hành chính tại quyết định số 06 ngày 05/5/2023, tại thời điểm L thực hiện hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam chưa có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40 ngày 19/4/2023 của UBND xã H nên L chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm vi phạm định về nhập cảnh theo Điều 437 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản Cáo trạng số: 21/CT-VKSLC-P1 ngày 13/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lý Thị L và Vàng Thị P về tội: “Vi phạm quy định về nhập cảnh”, theo Điều 347 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều thừa nhận về hành vi nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại bản luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 347, Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo Lý Thị L từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 347, Điều 17; Điều 35; Điều 58; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo Vàng Thị P từ 20 đến 30 triệu đồng. Áp dụng Điều 47, Điều 106 Bộ luật hình sự trả lại 02 căn cước công dân cho 02 bị cáo, tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Lý Thị L và Vàng Thị P và tuyên miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với VKSND tỉnh Lai Châu về tội danh như cáo trạng đã truy tố, khung hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, có nhân thân tốt, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo P hiện hiện đang có thai nên đề nghị HĐXX cho các bị cáo được áp dụng thêm khoản 3 điều 54/BLHS để được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo thống nhất với ý kiến của người bào chữa, không tranh luận đối đáp với Kiểm sát viên. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố. Bị cáo Lý Thị L xin được áp dụng hình phạt tiền để thay bằng hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan Điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra, truy tố, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, lời khai nhận tội của các bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận các bị cáo đã không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật, cũng không được cơ quan có thẩm quyền nào cho phép xuất, nhập cảnh nhưng các bị cáo Lý Thị L và Vàng Thị P đã nhiều lần xuất cảnh, nhập cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc và từ Trung Quốc vào Việt Nam, ngày 19/4/2023 Lý Thị L và Vàng Thị P bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật*”. Ngày 05/5/2023 Lý Thị L bị Đoàn biên phòng H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật*”. Sau khi đã nộp xong tiền phạt các bị cáo lại tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đến ngày 04/01/2024, với mục đích về thăm người thân, làm thủ tục căn cước, hộ chiếu để thuận lợi cho việc làm ăn, sinh sống tại Trung Quốc và thuận lợi cho việc qua lại giữa hai nước Việt Nam- Trung Quốc bị cáo Lý Thị L và Vàng Thị P đã lợi dụng địa bàn hẻo lánh, ít người qua lại để tiếp tục thực hiện hành vi nhập cảnh trái phép chui qua hàng rào từ Trung Quốc vào Việt Nam (*thuộc khu vực M*) rồi lội suối, trèo qua bờ kè suối, lên đường mòn thuộc địa phận bản Sàng Sang, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu để về nhà tại bản T, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản ảnh xác định hiện trường, do đó có đủ cơ sở để kết luận: Lý Thị L và Vàng Thị P đã nhập cảnh không đúng quy định tại Điều 4, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật xuất, nhập cảnh của Công dân Việt Nam. Khoản 1 Điều 35 Luật xuất, nhập cảnh của Công dân Việt Nam quy định: “*Công dân Việt Nam khi xuất cảnh, nhập cảnh xuất trình cho người làm nhiệm vụ kiểm soát xuất nhập cảnh hoặc công kiểm soát tự động các giấy tờ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 33, Điều 34 của Luật này, trừ trường hợp đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh để ra, vào lãnh thổ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.*”

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của Nhà nước, các bị cáo cố ý trực tiếp nhập cảnh trái phép vào Việt Nam mà không có giấy tờ theo đúng quy định của pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây

ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam - Trung Quốc và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*” theo Điều 347 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 347/BLHS quy định “*Người nào xuất cảnh, nhập cảnh trái phép hoặc ở lại Việt Nam trái phép, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 06 năm*”

Do đó Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về nhập cảnh*” theo Điều 347 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[3]. Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo ngang nhau tuy nhiên bị cáo Lý Thị L là người chủ động rủ Vàng Thị P nhập cảnh trái phép về Việt Nam, bị cáo L đã 02 lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật*” bị cáo L đã không lấy đó làm bài học để chấp hành tốt quy định của pháp luật mà còn tiếp tục vi phạm, nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo để quyết định hình phạt một cách nghiêm khắc hơn so với bị cáo P.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, Bị cáo Lý Thị L có 02 tiền sự, bị cáo Vàng Thị P có 01 tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế. Khi bị phát hiện, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Bị cáo Vàng Thị P phạm tội trong thời gian mang thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo L có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên Lý Thị L đã 02 lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật*” bị cáo L đã không lấy đó làm bài học để chấp hành tốt quy định của pháp luật mà còn tiếp tục vi phạm nên cần phải cách ly bị cáo Lý Thị L ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Vàng Thị P xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản Điều 51/ BLHS, hiện tại bị cáo đang mang thai hơn 05 tháng nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ giáo dục, cải tạo, răn đe, phòng ngừa

và cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật đối với phụ nữ đang mang thai phạm tội.

Xét cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nên cần chấp nhận.

Xét cáo luận cứ bào chữa cho các bị cáo của người bào chữa một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nên cần chấp nhận một phần, về quan điểm đề nghị HĐXX cho các bị cáo được áp dụng thêm khoản 3 điều 54/BLHS để được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của người bào chữa là chưa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung nên HĐXX không chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ:

- 01 thẻ căn cước công dân của bị cáo Lý Thị L (số A) và 01 thẻ căn cước công dân của Vàng Thị P (số A). Xét thấy, đây là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên HĐXX trả lại cho các bị cáo.

- Thu giữ một điện thoại di động HONOR 80 Pro; số kiểu máy ANP-AN00; sử dụng hệ điều hành Androi (kèm theo 01 sim dây số trên sim 89860088242883202037 HLR5, sim Trung Quốc); số IMEI: IMEI 1 863151066694818, IMEI 2 863151066935559 của Lý Thị L và thu giữ một điện thoại di động OPPO A96 5G; số kiểu máy PFUM 10, sử dụng hệ điều hành Androi (kèm theo 01 sim dây số trên sim 898600322487929785 HLR4, sim Trung Quốc); số IMEI: IMEI 1 863790064601315, IMEI 2 863790064601307 của Vàng Thị P. Xét thấy: Hai bị cáo đều sử dụng hai chiếc điện thoại này để liên lạc với nhau cùng thực hiện hành vi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47/BLHD cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước vì đây là công cụ, phương tiện các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội.

[7]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn nên căn cứ Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8]. Về các vấn đề liên quan trong vụ án: Ngày 04/01/2024 ông Lý A S, sinh năm 1950 (*bố bị cáo Lý Thị L*) và bà Giàng Thị S1, sinh năm 1981 (*mẹ bị cáo P*), cùng trú tại bản Tả Lèng, xã H, Huyện P, tỉnh Lai Châu là những người đã đón L và P từ khu vực biên giới về nhà, tuy nhiên kết quả điều tra lấy lời khai và tại phiên tòa ông S và S1 khai không biết L và P nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên không có căn cứ xem xét.

- Hồi 06 giờ, ngày 19/4/2023 Lý Thị L thực hiện 01 lần nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại khu vực mốc 64 thuộc bản N xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu bị đồn H phát hiện lập biên bản và bị xử lý hành chính tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 05/5/2023, tại thời điểm L thực hiện hành vi nhập cảnh trái phép (Hồi 06 giờ ngày 19/4/2023) chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 40/QĐ-XPHC của UBND xã H nên L chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm vi phạm quy định về nhập cảnh theo Điều 437/BLHS do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ 347; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lý Thị L.

Căn cứ Điều 347; Điều 17; Điều 35; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Vàng Thị P .

[1]. Tuyên bố bị cáo Lý Thị L, Vàng Thị P phạm tội “***Vi phạm quy định về nhập cảnh***”.

[2]. Về hình phạt:

Xử phạt Bị cáo Lý Thị L **06(sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, ngày 17/01/2024.

Phạt tiền bị cáo Vàng Thị P **10 (mười) triệu đồng**.

[3]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS

+ Trả lại căn cước công dân cho hai bị cáo Lý Thị L (số A) và Vàng Thị p (số A).

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động HONOR 80 Pro; số kiểu máy ANP-AN00; sử dụng hệ điều hành Androi (kèm theo 01 sim dãy số trên sim 89860088242883202037 HLR5, sim Trung Quốc); số IMEI: IMEI 1 863151066694818, IMEI 2 863151066935559 của Lý Thị L và một điện thoại di động OPPO A96 5G; số kiểu máy PFUM 10, sử dụng hệ điều hành Androi (kèm theo 01 sim dãy số trên sim 898600322487929785 HLR4, sim Trung Quốc); số IMEI: IMEI 1 863790064601315, IMEI 2 863790064601307 của Vàng Thị P. *(Tình trạng vật chứng như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2024 giữa Cục THADS tỉnh L với Công an tỉnh L).*

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[5]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Các Bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Hoàng Thèn;
- Đoàn Biên phòng Huổi Luông;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

